TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05**/2020/DS-PT
Ngày: 15 - 01 - 2021
V/v "Tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thành

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Văn Toàn

2. Bà Tôn Thị Thanh Thúy

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Trung An – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Bà Nguyễn Thị Thanh Quyên – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2020/TLPT-DS ngày 18 tháng 11 năm 2020 về việc *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 44/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện x, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 213/20/QĐ-PT ngày 26 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **NĐ,** sinh năm 1961 (có mặt)

Địa chỉ: Số 942 đường L, khóm n, phường b, huyện x, tỉnh Sóc Trăng

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn NĐ: Bà **UQNĐ**. Địa chỉ: Số 278/46/77 T, khóm n, phường 2, huyện x, tỉnh Sóc Trăng, theo văn bản ủy quyền ngày 19/12/2020 (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà **BĐ,** sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: Số 154/5 đường B, khóm n, phường 4, huyện x, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn BĐ: Luật sư HVQ - Văn phòng Luật sư HVQthuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn BĐ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 6 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên toà, nguyên đơn bà NĐ trình bày:

NĐ có tham gia góp hụi với chủ hụi là bà BĐ, cụ thể tham gia vào các dây hụi sau:

Dây hụi thứ nhất: Dây hụi 1.000.000 đồng,15 ngày khui 01 lần, bắt đầu ngày 01/3/2019 (Âm lịch) gồm có 25 phần. Bà tham gia 02 phần, quá trình chơi hốt 01 phần còn 01 phần hốt chót với số tiền 23.000.000 đồng, nhưng BĐ nói bể hụi không giao tiền cho bà. Bà đã đóng đầy đủ tiền hụi nhưng BĐ nói bể hụi nên chưa được hốt.

Dây hụi thứ hai: Dây hụi 2.000.000 đồng, tháng khui 01 lần, bắt đầu ngày 20/01/2019 (Âm lịch) gồm có 20 phần. NĐ tham gia 02 phần, quá trình chơi NĐ có hốt một phần còn một phần chưa hốt số tiền đã đóng được 14 kỳ là 19.600.000 đồng. Đối với chân hụi đã hốt thì còn 06 kỳ bà đã đóng đầy đủ hụi chết cho BĐ.

Trong dây hụi này bà có chồng 01 phần hụi với số tiền 31.000.000 đồng. Tổng số tiền BĐ nợ là 50.600.000 đồng.

Dây hụi thứ ba: Dây hụi 2.000.000 đồng, tháng khui 01 lần, bắt đầu ngày 04/7/2019 gồm có 22 phần. NĐ tham gia 02 phần đã đóng được 8 kỳ với số tiền đã đóng là 11.600.000 đồng.

Cũng trong dây hụi này bà có mua lại 03 phần hụi với số tiền 12.000.000 đồng. Sau đó BĐ lấy lại và nói bể hụi mà không trả. Tổng số tiền BĐ nợ là 23.600.000 đồng.

Dây hụi thứ tư: Dây hụi 200.000 đồng, tuần khui 01 lần, bắt đầu ngày 08/5/2019 (Âm lịch) gồm có 45 phần. NĐ tham gia 05 phần đã hốt 04 phần còn một phần chưa hốt. NĐ đã đóng được 39 kỳ của một chân hụi chưa hốt số tiền là 5.850.000 đồng. Còn 06 lần hụi chết bà chưa đóng cho BĐ vì BĐ nói bể hụi không cho bà khui hụi.

Dây hụi thứ năm: Dây hụi 1.000.000 đồng, tháng khui 01 lần, bắt đầu ngày 10/8/2018 (Âm lịch) gồm có 25 phần. NĐ tham gia 01 phần và đã đóng được 19 kỳ số tiền đã đóng là 13.300.000 đồng.

Dây hụi thứ sáu: Dây hụi 500.000 đồng, 10 ngày khui 01 lần, bắt đầu ngày 04/12/2019 (Âm lịch) gồm có 35 phần. NĐ đóng được 09 kỳ số tiền đã đóng 02 chân hụi là 6.300.000 đồng.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu BĐ trả số tiền hụi của 06 dây hụi là 79.650.000 đồng và số tiền bà đã mua hụi và chồng hụi là 43.000.000 đồng. Tổng cộng là 122.650.000 đồng. Đối với số tiền chồng hụi là 12.000.000 đồng tại dây hụi thứ sáu thì bà không yêu cầu BĐ trả lại cho bà khoản tiền này.

Bị đơn là bà BĐ trình bày: Bị đơn có làm chủ hụi, NĐ có tham gia các dây

hụi như sau:

Dây hụi thứ nhất: Dây hụi 1.000.000 đồng, 15 ngày khui 1 lần, bắt đầu ngày 01/3/2019 (Âm lịch) gồm có 25 phần. NĐ tham gia 02 phần, quá trình chơi NĐ hốt 01 phần còn 01 phần NĐ hốt chót với số tiền 23.000.000 đồng. Nhưng do em NĐ là bà ĐTM còn thiếu bà 35.000.000 đồng nên bà chưa cho NĐ hốt. Do nay bể hụi nên bà đồng ý trả lại cho NĐ số tiền vốn là 16.000.000 đồng.

Dây hụi thứ hai: Dây hụi 2.000.000 đồng, tháng khui 01 lần, bắt đầu ngày 20/01/2019 (Âm lịch) gồm có 20 phần. NĐ tham gia 02 phần, quá trình chơi NĐ có hốt một phần còn một phần NĐ đóng được 14 kỳ (đóng số tiền 19.600.000 đồng); còn 06 kỳ chưa đóng số tiền 12.000.000 đồng. Dây hụi này đến tháng 07/2020 (Âm lịch) mới mãn hụi, nhưng do bể hụi nên kết thúc. Sau khi cấn trừ thì bà đồng ý trả cho NĐ số tiền 7.600.000 đồng.

Cũng trong dây hụi này NĐ có chồng 01 phần với số tiền 31.000.000 đồng. Bà có viết cho NĐ giấy chồng hụi và đã nhận từ NĐ số tiền chồng hụi là 31.000.000 đồng. Sau đó bà đem đi đưa cho bà NTTNchứ bà không có liên quan.

Dây hụi thứ ba: Dây hụi 2.000.000 đồng, tháng khui 01 lần bắt đầu ngày 04/7/2019 gồm có 22 phần. NĐ tham gia 02 phần đã đóng được 8 kỳ với số tiền (đóng số tiền 11.600.000 đồng), đến ngày 01/3/2020 thì bể hụi. Bà đồng ý trả cho NĐ số tiền 11.600.000 đồng.

Cũng trong dây hụi này NĐ có mua lại 03 phần với số tiền 12.000.000 đồng. Bà có viết cho NĐ giấy chồng hụi và đã nhận từ NĐ số tiền mua hụi là 12.000.000 đồng. Tuy nhiên, đây là số tiền của ĐTN là em NĐ gởi tiền cho NĐ đi đóng cho bà chứ không phải của NĐ mua hụi.

Do ĐTN còn thiếu nợ bà nên bà cấn trừ hết rồi chứ NĐ không có mua dây hụi này.

Dây hụi thứ tư: Dây hụi 200.000 đồng, tuần khui 01 lần bắt đầu ngày 08/5/2019 (Âm lịch) gồm có 45 phần. NĐ tham gia 05 phần đã hốt 04 phần còn một phần chưa hốt. NĐ đã đóng được 39 kỳ (đã đóng 5.850.000 đồng) còn 06 lần chưa đóng số tiền 4.800.000 đồng. Dây hụi này đã kết thúc do bà bể hụi. Nay bà đồng ý trả cho NĐ số tiền 1.050.000 đồng.

Dây hụi thứ năm: Dây hụi 1.000.000 đồng, tháng khui 01 lần bắt đầu ngày 10/8/2018 (Âm lịch) gồm có 25 phần. NĐ tham gia 01 phần và đã đóng được 19 kỳ (đã đóng 13.300.000 đồng). Dây hụi này đã kết thúc do bà bể hụi. Nay bà đồng ý trả cho NĐ số tiền 13.300.000 đồng.

Dây hụi thứ sáu: Dây hụi 500.000 đồng, 10 ngày khui 01 lần bắt đầu ngày 04/12/2019 (Âm lịch) gồm có 35 phần. Theo giấy đóng hụi thì bà ghi cho NĐ 02 phần, tuy nhiên khi lại đóng thì NĐ chỉ đóng một phần, NĐ đóng được 09 kỳ (đã đóng 01 chân hụi số tiền 3.15.000 đồng). Dây hụi này đã kết thúc do bà bể hụi. Nay bà đồng ý trả cho NĐ số tiền 3.15.000 đồng.

Nay bà chỉ đồng ý trả lại cho NĐ số tiền nợ hụi tổng cộng là 50.000.000 đồng.

* Sự việc được Tòa án nhân dân huyện x, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết. Tại bản án sơ thẩm số 44/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện x, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ: Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ: Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về Họ, hụi, bêu, phường.

- Căn cứ: Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà BĐ trả cho nguyên đơn bà NĐ số tiền nợ hụi là 105.850.000 đồng.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về việc buộc bị đơn bà BĐ trả cho nguyên đơn bà NĐ số tiền nợ hụi là 16.800.000 đồng.

∗ Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

* Ngày 12/10/2020 bị đơn BĐ có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn NĐ về việc buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tiền hụi là 62.850.000 đồng và tiền mua hụi, chồng hụi là 43.000.000 đồng.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn BĐ giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn BĐ, không chấp nhận

yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn NĐ về việc buộc bị đơn BĐ trả cho NĐ tiền hụi là 62.850.000 đồng và tiền mua hụi là 43.000.000 đồng

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn BĐ và áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Người có quyền kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của bị đơn BĐ là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên kháng cáo là hợp lệ và đúng luật định.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn BĐ, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự thống nhất và thừa nhận, NĐ có chơi hụi do BĐ làm chủ hụi, cụ thể các dây hụi như sau: *Dây hụi thứ nhất*: Dây hụi 1.000.000 đồng, 15 ngày khui 01 lần, bắt đầu ngày 01/3/2019 (Âm lịch) gồm có 25 phần. NĐ tham gia 02 phần, quá trình chơi NĐ hốt 01 phần còn 01 phần NĐ hốt chót với số tiền 23.000.000 đồng; *Dây hụi thứ hai*: Dây hụi 2.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần bắt đầu ngày 20/01/2019 (Âm lịch) gồm có 20 phần. NĐ tham gia 02 phần, quá trình chơi NĐ có hốt một phần còn một phần chưa hốt số tiền đã đóng là 19.600.000 đồng; *Dây hụi thứ ba*: Dây hụi 2.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần bắt đầu ngày 04/7/2019 gồm có 22 phần. NĐ tham gia 02 phần đã đóng được 8 kỳ số tiền đã đóng là 11.600.000 đồng; *Dây hụi thứ tư*: Dây hụi 200.000 đồng, 01 tuần khui 01 lần bắt đầu ngày 08/5/2019 (Âm lịch) gồm có 45 phần. NĐ tham gia 05 phần đã hốt 04 phần còn một phần chưa hốt. NĐ đã đóng được 39 kỳ số tiền đã đóng 01 chân hụi 5.850.000 đồng; *Dây hụi thứ năm*: Dây hụi 1.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần bắt đầu ngày 10/8/2018 (Âm lịch) gồm có 25 phần. NĐ tham gia 01 phần và đã đóng được 19 kỳ số tiền đã đóng là 13.300.000 đồng; *Dây hụi thứ sáu*: Dây hụi 500.000 đồng,10 ngày khui 01 lần bắt đầu ngày 04/12/2019 (Âm lịch) gồm có 35 phần. Nên căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là những tình tiết sự kiện không phải chứng minh.

[3] Xét số tiền của từng dây hụi cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ nhất: Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận số tiền NĐ được hốt chót là 23.000.000 đồng, phía nguyên đơn cho rằng do bể hụi nên chỉ đồng ý trả cho bị đơn số tiền 16.000.000 đồng. Bị đơn cho rằng tại biên bản hòa giải ngày 11/8/2020

hai bên đã thống nhất số tiền dây hụi này là 16.000.000 đồng, nguyên đơn thừa nhận khi hòa giải vào ngày 11/8/2020 nguyên đơn đồng ý số tiền dây hụi này là 16.000.000 đồng với điều kiện là bị đơn phải trả ngay cho nguyên đơn, nhưng các bên không thỏa thuận được khi hòa giải, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả đủ số tiền còn nợ của dây hụi này là 23.000.000 đồng. Do đó bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 23.000.000 đồng dây hụi này.

- Dây hụi thứ hai: Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận hụi khui ngày 20/01/2019 (Âm lịch) đến ngày 23/3/2020 âm lịch thì bể hụi nên phía nguyên đơn không đóng hụi chết cũng như chưa được hốt phần hụi đã đóng. Do đó căn cứ vào thời gian như trên xác định nguyên đơn đã đóng được 14 kỳ và còn nợ 06 kỳ chưa đóng. Phía nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận số tiền đã đóng là 19.600.000 đồng. Nguyên đơn cho rằng đã đóng hết 06 kỳ hụi chết nhưng không có gì chứng minh và phía bị đơn cũng không thừa nhận. Như vậy, xác định trong dây hụi này nguyên đơn đã đóng cho bị đơn số tiền 19.600.000 đồng. Do nguyên đơn đã hốt 01 phần còn 06 kỳ chưa đóng số tiền 12.000.000 đồng. Nên sau khi cấn trừ số tiền bị đơn thiếu nguyên đơn là 7.600.000 đồng.

Trong dây hụi nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận nguyên đơn có chồng cho bị đơn 01 phần hụi với số tiền 31.000.000 đồng. BĐ thừa nhận có viết giấy hụi và nhận tiền từ bà Mới. Tuy nhiên, BĐ cho rằng bà đem đi đưa cho bà NTTN chứ bà không có liên quan là không có căn cứ vì nguyên đơn không thừa nhận và bị đơn cũng không có chứng cứ gì chứng minh. Do đó, xác định BĐ nợ NĐ số tiền chồng hụi là 31.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ ba: Phía nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận NĐ đã đóng cho BĐ 08 kỳ với số 11.600.000 đồng. Như vậy BĐ phải có nghĩa vụ trả lại cho NĐ số tiền 11.600.000 đồng. Trong dây hụi này BĐ thừa nhận có nhận của NĐ số tiền 12.000.000 đồng mua lại 03 phần hụi. Mặc dù BĐ cho rằng đây là số tiền của ĐTN gởi NĐ nhưng BĐ không có chứng cứ gì chứng minh và NĐ cũng không thừa nhận, do đó có căn cứ xác định BĐ nợ NĐ số tiền mua hụi là 12.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ tư: Phía nguyên đơn và bị đơn thừa nhận số tiền đóng 01 chân hụi với 39 kỳ đóng hụi là 5.885.000 đồng. Do còn 06 lần chưa đóng hụi chết nên số tiền NĐ phải đóng cho 04 chân hụi đã hốt là 4.800.000 đồng. Nguyên đơn cũng thừa nhận còn 06 kỳ hụi chết chưa đóng. Do đó, sau khi cấn trừ tiền hụi chết phải đóng là 4.800.000 đồng thì bị đơn BĐ phải trả cho NĐ số tiền 1.050.000 đồng.

- Dây hụi thứ năm: Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận số tiền BĐ nợ NĐ trong dây hụi này là 13.300.000 đồng. Nên BĐ phải trả cho NĐ số tiền 13.300.000 đồng.

- Dây hụi thứ sáu: Phía bị đơn cho rằng trên thực tế NĐ chỉ có tham gia chơi 01 chân hụi nhưng bị đơn BĐ cũng thừa nhận bà có viết giấy ghi hụi thì ghi NĐ chơi 02 chân hụi. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa bị đơn BĐ không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh NĐ chỉ chơi 01 chân hụi và phía nguyên đơn NĐ cũng xác định đóng đủ 02 chân hụi như trong giấy ghi hụi nên có căn cứ xác định NĐ tham gia 02 phần hụi, đã đóng được 09 kỳ, số tiền NĐ đã đóng là 6.300.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng số tiền BĐ nợ tiền hụi của NĐ là 62.850.000 đồng và tiền mua hụi, chồng hụi là 43.000.000 đồng. Tổng cộng là 105.850.000 đồng.

[4] Do BĐ không thực hiện theo thỏa thuận góp hụi và không trả số tiền góp hụi mà NĐ đã đóng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền hụi còn nợ cho nguyên đơn, tổng cộng là 105.850.000 đồng là có cơ sở, phù hợp với qui định của pháp luật.

[5] Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy kháng cáo của bị đơn BĐ là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Do kháng không được chấp nhận nên BĐ phải chịu án phí phúc thẩm theo qui định pháp luật.

[7] Đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308, Khoản 1 Điều 148, Khoản 6 Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326 ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn BĐ.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 44/2020/DS-ST ngày 30-9-2020 của Tòa án nhân dân huyện x, tỉnh Sóc Trăng như sau:

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng: Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 18 và Điều 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về Họ, hụi, bêu, phường; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà BĐ trả cho nguyên đơn bà NĐ số tiền nợ hụi là 105.850.000 đồng. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn NĐ, về việc buộc bị đơn bà BĐ trả cho nguyên đơn số tiền nợ hụi là 16.800.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Bà BĐ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 5.292.500 đồng.

3.2. Bà NĐ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 840.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.791.000 đồng theo biên lai số 0004411 ngày 22/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng. NĐ được nhận lại số tiền nộp thừa là 2.951.000 đồng.

4. Án phí phúc thẩm: Bị đơn BĐ phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004691 ngày 21/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng. Như vậy, BĐ đã nộp xong.

5. Các phần khác được nêu trong phần quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo qui định của pháp luật.

6. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện x;
- Chi cục THADS huyện x;
- VKSND huyện x;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Hoàng Thành